

Bản án số: 226/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14-03-2024
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Diệu Huệ.
2. Ông Lê Văn Khanh.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Mai Lệ - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Trần Quang Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 03 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà T L P. Sinh năm 1991.

Địa chỉ: 70A Đường số 13A, khu phố 21, phường B H H A, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: ông P N T. Sinh năm 1986.

Địa chỉ thường trú: 47/24C, đường T H, Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: 381/23/6/2B đường L V Q, khu phố 5, phường B T Đ A, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(bà P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

[1] Nguyên đơn bà T L P trình bày: bà và ông P N T kết hôn vào năm 2009, theo giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/06/2009. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, ông T không có trách nhiệm, không lo cho vợ con, đã từng đánh đập vợ, đã từng chơi ma túy đá, đã vào trại cai nghiện, lúc về đã cho nhiều cơ hội, vẫn không sửa lỗi. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 22/01/2023 đến nay.

Về con chung: có hai con chung tên: P T P L, sinh ngày 21/10/2009 và P P V, sinh ngày 11/03/2018. Hiện tại con chung P P V đang sống chung với bà từ tháng 01/2023 đến nay, còn con chung P T P L thì đi qua đi lại cả hai bên ba và mẹ.

Về tài sản chung, nợ chung: không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông P N T và yêu cầu được nuôi hai con chung P T P L và P P V, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2] Bị đơn ông P N T trình bày: ông xác nhận có đăng ký kết hôn với bà P từ năm 2009 đúng như bà P trình bày. Trong thời gian chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn nhỏ, tự vợ bỏ ra ngoài sống một mình trước khi nộp đơn lên Tòa xin giải quyết ly hôn. Ông nhận thấy vẫn còn yêu thương gia đình, vợ con, mong muốn được đoàn tụ nên không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà T L P.

Về con chung: có hai con chung tên: P T P L, sinh ngày 21/10/2009 và P P V, sinh ngày 11/03/2018.

Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp phải ly hôn với bà P thì ông đồng ý giao hai con chung cho bà P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà T L P vắng mặt theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông P N T vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T L P được ly hôn với ông P N T; giao cho bà T L P được trực tiếp nuôi hai con chung P T P L và P P V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà T L P làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông P N T. Ông P N T có địa chỉ cư trú tại: 381/23/6/2B L V Q, phường B T Đ A, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông P N T và bà T L P ngày 23/06/2009 có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T L P đối với ông P N T, Hội đồng xét xử xét thấy: theo bà P nguyên nhân mâu thuẫn là do không cùng quan điểm sống, ông T không có trách nhiệm, không lo cho vợ con, đã từng đánh đập vợ, đã từng chơi ma túy đá, đã vào trại cai nghiện, lúc về đã cho nhiều cơ hội, vẫn không sửa lỗi, đến ngày 22/01/2023 thì hai vợ chồng sống ly thân. Còn ông T thì cho rằng trong thời gian chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn nhỏ, tự vợ bỏ ra ngoài sống một mình trước khi nộp đơn lên Tòa xin giải quyết ly hôn, ông nhận thấy vẫn còn yêu thương gia đình, vợ con, mong muốn được đoàn tụ nên không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà T L P. Như vậy, hiện tại bà P và ông T đã sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không thể kéo dài. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được biện pháp gì hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Vì vậy xét yêu cầu xin ly hôn của bà P là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên: P P V, sinh ngày 11/03/2018 và P T P L, sinh ngày 21/10/2009. Bà T L P yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trẻ P P V hiện đang sống chung với bà P, do bà P chăm sóc và nuôi dưỡng từ khi hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay, nên không cần thiết phải thay đổi cuộc sống hiện tại của trẻ Vũ. Riêng cháu P T P L đến nay đã gần 15 tuổi, theo nguyện vọng của cháu Long muốn được ở với Mẹ, do đó cần giao con chung P T P L cho bà P được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà P về việc được trực tiếp nuôi hai con chung là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà T L P và ông P N T đều xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: bà T L P chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà T L P.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: bà T L P được ly hôn với ông P N T. Giấy chứng nhận kết hôn số 83 quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/06/2009 không còn giá trị pháp luật kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: có 02 con chung tên: P P V, sinh ngày 11/03/2018 và P T P L, sinh ngày 21/10/2009. Giao cho bà T L P được trực tiếp nuôi hai con chung P P V và P T P L. Phần cấp dưỡng nuôi con ghi nhận việc bà P không yêu cầu ông P N T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông P N T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần bà T L P, ông P N T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3 Về tài sản chung: không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

1.4 Về nợ chung: không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: bà T L P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0010518 ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T L P đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: bà T L P và ông P N T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoi